

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HC-PT
Ngày: 12 - 2 - 2020
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc;

Ông Phan Nhựt Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 320/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1794/2018/HCST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3334/2019/QĐXX-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường 35, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Q – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Tr, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/. Ông Vũ Hoài Ph – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Ngọc H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Th – người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị Th trình bày:

Nguyên do là việc ông Võ Minh T chủ sử dụng thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24 (tài liệu 2003), phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hành vi sai trái khi mua thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24 và đập tường ranh được gia đình bà Th xây dựng bằng gạch vào năm 1991 và trở cửa chính đi qua đường hẻm của gia đình bà Th bỏ đất ra làm đường đi.

Mẹ bà Th là bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu của thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tường ranh này là ranh giới giữa hai thửa đất 561 và 700. Khi ông Võ Minh T đập tường ranh này thì mẹ bà Th rào lại bằng lưới B40 để chống trộm, nhưng chỉ rào ở phía trong hẻm chứ không rào ở đường số 35.

Ngày 03/11/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5750/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính đối với bà Lê Thị Th vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác đã quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Không đồng ý với quyết định trên, bà Th đã khiếu nại.

Ngày 13/3/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Th với nội dung bác đơn khiếu nại của bà Th và giữ nguyên Quyết định 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại, bà Lê Thị Th đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Quyết định 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017 và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

1/ Hiện trạng và quy hoạch:

Hẻm tiếp giáp 02 thửa đất số 700 và số 561, tờ bản đồ số 24, phường B có chiều dài 58m, rộng từ 2,9m đến 4,5m, mặt đường bê tông. Ngoài gia đình bà Lê Thị Th còn có 08 hộ gia đình khác sử dụng làm đường đi.

Theo tài liệu đo đạc năm 1995 (Chỉ thị 02/CT-UB) thửa số 113, tờ bản đồ

số 04 do bà Dương Thị G là mẹ của bà Nguyễn Thị S đăng ký diện tích 3.993m², loại đất: Thổ vườn.

Theo bản đồ địa chính năm 2003, hẻm tiếp giáp giữa 02 thửa đất số 700 và 561, tờ bản đồ số 24, phường B thể hiện là đường có chiều dài 58m, rộng từ 2,9m đến 4,5m.

Theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hệ thống giao thông lộ giới dưới 12m một phần Khu dân cư phường B đã được Ủy ban nhân dân Quận 2 phê duyệt tại Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 21/01/2012, lộ giới quy hoạch hẻm giữa 02 thửa đất là 05m.

Ngày 06/3/2015, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nâng cấp mặt đường và xây dựng hệ thống thoát nước đường số 35, phường B, Quận 2 do Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 2 làm chủ đầu tư. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách quận và nhân dân đóng góp (bao gồm cả phần đường tiếp giáp thửa đất số 700 và 561, tờ bản đồ số 24). Hiện nay, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2015.

2/ Quá trình cấp giấy chứng nhận của một số hộ dân tiếp giáp hẻm:

- Nhà, đất số 37 và 39 đường số 35, phường B:

Nhà, đất do mẹ là bà Dương Thị G cho năm 1997 với diện tích đất là 2.061,4m² (theo giấy tái xác nhận cho nhà, đất ngày 15/9/2003 của bà Dương Thị G diện tích đất là 2.061,4m²; đơn khước từ tài sản ngày 10/9/2003 của bà Nguyễn Thị Ph diện tích đất là 2.061,4m² và Tờ trình về cấp giấy chứng nhận số 804/TT-UB ngày 14/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường B).

Năm 1999, bà Nguyễn Thị S kê khai đăng ký nhà, đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích toàn bộ khuôn viên 2.200m² do ông bà để lại. Ngày 05/3/2003, Đoàn đo đạc bản đồ thuộc Sở Địa chính nhà đất lập Bản vẽ sơ đồ nhà, đất số 1744/ĐĐBĐ-VPQ2 (Bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO) với diện tích đất 2.016,4m², thuộc một phần thửa 112, 113, 147, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện Th (tài liệu đo năm 1995). Theo bản đồ có thể hiện hẻm đất hướng Tây tiếp giáp thửa đất. Đến ngày 19/12/2003, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3659/2003 cho bà Nguyễn Thị S, diện tích đất là 2.061,4m² (Thửa 1-113, tờ bản đồ số 4, sơ đồ nền). Địa chỉ nhà ở: 37 đường 35, phường B (trên giấy chứng nhận thể hiện là hẻm đất và ranh đất tiếp giáp hẻm đất thể hiện trên giấy chứng nhận là rào kẽm).

Sau đó, bà Nguyễn Thị S lập Hợp đồng tặng cho (một phần nhà, đất số 37 đường số 35, phường B) số 4695/HĐ-TCN được phòng Công chứng số 3 chứng nhận ngày 19/4/2006 và được Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00959 ngày 14/8/2006 cho ông Lê Văn T, diện tích đất 94,7m² thuộc thửa 511, tờ số 24, phường B, địa chỉ thửa đất: 39 đường 35, ấp Tr, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 31/10/2007, bà

Nguyễn Thị S nhận tặng cho theo Hợp đồng số 24898 lập tại phòng Công chứng số 3, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 27/11/2007 tại Ủy ban nhân dân Quận 2. Ngày 12/01/2009, bà Nguyễn Thị S được Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 022/2009/GCN-UB, diện tích 273,4m² (thửa số 561, tờ bản đồ số 24) và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00959 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 14/8/2006.

Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 021/2009/GCN-UB cho bà Nguyễn Thị S diện tích 1.016,2m² thuộc thửa 562, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: 37 đường 35, ấp Tr, phường B. Ngày 18/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01739 diện tích 891,3m² thuộc thửa 562, tờ bản đồ số 24 và thu hồi giấy chứng nhận số 021/2009/GCN-UB ngày 12/01/2009 nêu trên.

- Nhà, đất số 29 đường số 35, phường B:

Năm 1999, bà Dương Thị G kê khai đăng ký nhà, đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích toàn bộ khuôn viên 2.200m² do ông bà để lại. Ngày 13/12/2002, Công ty TNHH Tư vấn - Phát triển và Kinh doanh nhà HL lập Bản vẽ hiện trạng nhà, đất số 02-014/ĐĐBĐ/HL02 (Bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO) với diện tích đất 1.827,2m², thuộc một phần thửa 113, 114, 115, 145, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện Th (tài liệu đo năm 1995). Theo bản đồ có thể hiện hẻm hướng Tây tiếp giáp thửa đất. Đến ngày 02/4/2004, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 694/2004 cho bà Dương Thị G và ông Nguyễn Văn Đ (ông Đ chết năm 1969), diện tích đất 1.827,2 m² (Thửa 2-113, tờ bản đồ số 4, sơ đồ nền). Địa chỉ nhà ở: 29 đường 35, phường B và không cấp phần diện tích hiện nay là hẻm tiếp giáp hướng Tây. Thay đổi chủ sử dụng sang bà Nguyễn Thị Ph do nhận tặng cho ngày 15/9/2004 tại Ủy ban nhân dân Quận 2 (trên giấy chứng nhận thể hiện là đường số 35).

Ngày 25/4/2014, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03115 cho bà Nguyễn Thị Ph với diện tích đất là 1.827,2m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 24 (Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 694/2004 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/4/2004).

- Nhà, đất số 43 đường số 35, phường B:

Ngày 06/02/2006, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 385314 với diện tích 440,4m², thuộc thửa 509, tờ bản đồ số 24 (địa chỉ thửa đất: 43 đường 35, ấp Tr, phường B) cho bà Nguyễn Thị N (cùng sử dụng đất với các ông (bà) Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Lê Th, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thế Q, Nguyễn Thế H, Nguyễn Thị Hồng Y và Nguyễn Thị Kim Ph).

Ngày 18/3/2011, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO 1226 cho ông Nguyễn Thế H với diện tích đất là 438,6 m², thuộc thửa số 509, tờ bản đồ số 24. Địa chỉ thửa đất: 43 đường 35, phường B và trên giấy chứng nhận thể hiện hẻm hướng Bắc của thửa đất là lối đi ra đường số 35. (Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 385314 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 06/02/2006).

- Nhà, đất số 57 đường số 35, phường B:

Ngày 06/8/2003, Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 56/SXD cho ông bà Trần T - Lại Thị Kim Ch, diện tích đất 157,3m² (Thửa 89, tờ bản đồ số 4, sơ đồ nền). Địa chỉ nhà ở: 57 đường 35, phường B. Trên giấy chứng nhận thể hiện hẻm đất hướng Đông tiếp giáp thửa đất.

Ngày 16/6/2010, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00387 cho ông bà Phạm Văn H - Lê Thị Bích L (do nhận chuyển nhượng) với diện tích đất là 157,3m², thuộc thửa 600, tờ bản đồ số 24, phường B. Đến ngày 02/8/2011, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01594 cho ông bà Phạm Văn H - Lê Thị Bích L, diện tích đất là 157,3m², địa chỉ nhà ở: 57 đường 35, khu phố 5, phường B, Quận 2.

- Nhà, đất thuộc thửa 700, tờ bản đồ số 24, phường B:

Ngày 29/9/1999, bà Vũ Thị L được Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 428696 (00147 QSĐĐ/1), diện tích 525m²; mục đích sử dụng là đất vườn, thuộc thửa 1308, tờ số 4 (tài liệu 02/CT-UB).

Ngày 10/10/2016, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04124 cho bà Vũ Thị L với diện tích đất là 519,7m², gồm đất ở 468,4m²; đất trồng cây lâu năm 51,3m² thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 24, phường B (Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 428696 (00147 QSĐĐ/1) ngày 29/9/1999).

Sau đó, bà Vũ Thị L tách thửa, chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Mai Văn Nguyên và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 04448 ngày 23/7/2017 diện tích 58,7m², mục đích sử dụng đất ở 54,3m², đất trồng cây lâu năm 4,4m² thuộc thửa 700, tờ bản đồ số 24, phường B (trên giấy chứng nhận thể hiện lối đi chung hướng Đông Bắc là 05m theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của Ủy ban nhân dân Quận 2). Cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho ông Võ Minh T ngày 22/8/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 2 (do nhận chuyển nhượng). Ngày 21/9/2017, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy phép xây dựng số 838/GPXD-UBND cho ông

Võ Minh T.

3/ Về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai số 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và việc giải quyết khiếu nại:

Ngày 30/10/2017, Công chức Địa chính - Xây dựng, Đô thị và Môi trường phường B lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà Lê Thị Th do có hành vi làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác đã được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vị trí vi phạm: trước thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24 (tài liệu đo năm 2003), phường B, Quận 2;

Công trình vi phạm có đặc điểm: Rào sắt lưới B40, kích thước (1,3m x 2m) + (1,75mx3m);

Thời điểm vi phạm: Tháng 10 năm 2017.

Ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân phường B có Phiếu chuyển số 01/PC-UBND đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị Th.

Ngày 02/11/2017, phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 933/TTr-TNMT đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị Th.

Ngày 03/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5750/QĐ-XPVPHC đối với hành vi vi phạm hành chính của bà Lê Thị Th: Làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác đã quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, với hình thức:

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Hình thức phạt bổ sung: không.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Lê Thị Th phải khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Bà Lê Thị Th không đồng ý với nội dung Quyết định số 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017 và gửi đơn khiếu nại. Ngày 13/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Th với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị Th; Bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị Th đề nghị thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5750/QĐ-XPVPPIC ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2”.

4/ Ý kiến của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận 2:

Hẻm tiếp giáp 02 thửa đất số 700 và số 561, tờ bản đồ số 24, phường B được xác định trên Bản vẽ hiện trạng nhà, đất số 02-014/ĐĐBĐ/HL02 do Công ty TNHH Tư vấn Phát triển và Kinh doanh nhà HL lập ngày 13/12/2002; Bản vẽ sơ đồ nhà, đất số 1744/ĐĐBĐ-VPQ2 do Đoàn đo đạc bản đồ thuộc Sở Địa chính nhà đất lập ngày 05/3/2003; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 694/2004 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/4/2004 cho bà Dương Thị G; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3659/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 19/12/2003 cho bà Nguyễn Thị S; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 04448 ngày 23/7/2017 thuộc thửa 700, tờ bản đồ số 24, phường B. Lối đi này đã hình thành từ trước năm 1999 và được thể hiện là đường giao thông công cộng trên Bản đồ địa chính năm 2003, không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Ngày 21/01/2012, Ủy ban nhân dân Quận 2 phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hệ thống giao thông lộ giới dưới 12m một phần Khu dân cư phường B tại Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 21/01/2012.

Ngày 06/3/2015, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp mặt đường và xây dựng hệ thống thoát nước đường số 35, phường B, Quận 2 do Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 2 làm chủ đầu tư (bao gồm cả phần hẻm tiếp giáp thửa đất số 700 và 561, tờ bản đồ số 24). Hiện nay, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2015.

Từ khi thành lập bản đồ địa chính năm 2003 đến nay, căn cứ hiện trạng và quy hoạch Ủy ban nhân dân Quận 2, Sở Xây dựng đã cấp các giấy chứng nhận, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa đều thể hiện đường hẻm và không cấp phần diện tích thuộc hẻm tiếp giáp 02 thửa đất số 700 và số 561, tờ bản đồ số 24, phường B.

Ngày 16/10/2017, Ủy ban nhân dân phường B có Văn bản số 497/UBND về trả lời đơn cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Ph. Theo đó, việc bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Ph cho rằng lối đi chung tại đường số 35, phường B là lối đi nội bộ của gia đình và yêu cầu ông Võ Minh T phải thương lượng để được sử dụng lối đi trên là không có cơ sở. Do đó, việc bà Lê Thị Th tự ý dựng hàng rào (lưới B40) trên thửa đất số 700, tờ bản đồ số 24, phường B, Quận 2 gây cản trở cho việc sử dụng đất của ông Võ Minh T là không đúng với quy định pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5750/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1794/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116,

Điều 158, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 58, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Nghị định 102/2014 ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5750/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về xử phạt vi phạm hành chính làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/12/2018, người khởi kiện bà Lê Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Th vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th trình bày: Biên bản vi phạm hành chính ngày 30/10/2017 được lập không đúng quy định pháp luật, vi phạm khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Quyết định số 5750/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành dựa trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính này cũng không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 5750/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 là đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Th nộp trong hạn luật định nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 30/10/2017, UBND phường B lập biên bản xử lý hành vi vi phạm hành chính của bà Lê Thị Th làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác. Ngày 03/11/2017, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5750/QĐ-UBND ngày 03/11/2017. Bà Th khiếu nại thì Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 bác đơn khiếu nại của bà Th. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5750/QĐ-UBND và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT nêu trên. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện, thấy rằng:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 5750/QĐ-UBND và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT được Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành đúng thẩm quyền theo Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Điều 18 Luật Khiếu nại. Trình tự, thủ tục ban hành được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 66, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 28, 31 Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung:

Bà Th thừa nhận việc dựng hàng rào bằng lưới B40 để chống trộm trên phần diện tích được sử dụng là lối đi chung nêu trên nhưng cho rằng phần đường đi này là lối đi nội bộ gia đình bà để cho các hộ dân sử dụng nên được quyền thực hiện và không làm hạn chế quyền sử dụng đất của người khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Đường đi tiếp giáp với 02 thửa đất 700 và 561, tờ bản đồ số 24, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của bà Dương Thị G (mẹ bà Nguyễn Thị S) đăng ký sử dụng theo tài liệu 02/CT-UB. Năm 2009, bà Nguyễn Thị S (mẹ bà Lê Thị Th) xin tách thửa để chuyển nhượng cho những người khác và thống nhất dành 01 phần làm lối đi chung. Sau khi tách thửa, UBND Quận 2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng từng thửa và không cấp quyền sử dụng đất cho phần đất làm lối đi chung, hiện nay là con hẻm đi vào nhà các hộ dân. Phần đường đi này thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2003 có chiều dài 58m, chiều rộng từ 2,9 đến 4,5m. Năm 2015, con đường được nâng cấp mặt đường và xây dựng hệ thống thoát nước theo Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của UBND Quận 2; công trình được xây dựng từ ngân sách của địa phương và phần đóng góp của các hộ dân. Việc cá nhân, tổ chức xây dựng công

trình trên phần đất sử dụng chung là hành vi gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của người khác, được quy định tại Điều 11 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Xét thấy, việc bà Th dựng hàng rào trên phần đất là lỗi đi chung được bà Th thừa nhận và UBND phường B đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính ngày 30/10/2017. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5750/QĐ-UBND đối với bà Th là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND Quận 2 bác đơn khiếu nại của bà Th, giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5750/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Th không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị Th. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1794/2018/HCTST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 58, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 11 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5750/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về xử phạt vi phạm hành chính làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác và Quyết định số 501/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm) nghìn đồng án phí sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Thị Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0044183 ngày 06/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm) nghìn đồng án phí phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Thị Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0045946 ngày 03/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Th đã thực hiện xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tô Ngọc

Phan Nhựt Bình

Phạm Trí Tuấn